

TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUNG GIAN VỚI VI PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ TRÊN INTERNET

NGÔ TRỌNG QUÂN *

TRẦN PHƯƠNG ANH **

Tóm tắt: Sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là mạng Internet làm đã làm thay đổi cách thức truyền đạt tác phẩm đến công chúng và đặt ra câu hỏi về trách nhiệm pháp lý của các nhà cung cấp dịch vụ trung gian với các hành vi xâm phạm quyền tác giả. Bài viết phân tích pháp luật thực định và án lệ về trách nhiệm pháp lý của nhà cung cấp dịch vụ trung gian ở Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu, qua đó đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam. Nghiên cứu cho thấy rằng Việt Nam có thể xây dựng các quy định về miễn trừ trách nhiệm cho nhà cung cấp dịch vụ trung gian như cách tiếp cận của Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu.

Từ khoá: Dịch vụ trung gian; nhà cung cấp; quyền tác giả; vi phạm

Nhận bài: 03/01/2018

Hoàn thành biên tập: 11/3/2019

Duyệt đăng: 17/3/2019

LIABILITY OF INTERMEDIARY SERVICE PROVIDERS FOR COPYRIGHT INFRINGEMENTS ON THE INTERNET

Abstract: Technological developments, especially the Internet, have transformed the way copyrighted works are distributed to the public and raised the question about the role and liability of intermediary service providers for copyright infringements. This paper reviews the legal framework and relevant cases in the United States and European Union about copyright liability of online intermediaries and offers some recommendations for Vietnam. It is suggested that Vietnam could develop a regime of immunities for intermediary service providers as maintained in the United States and European Union.

Keywords: Intermediary service; providers; liability; copyright; infringement

Received: Jan 3rd, 2018; Editing completed: Mar 11th, 2019; Accepted for publication: Mar 17th, 2019

1. Khái quát về trách nhiệm pháp lý của nhà cung cấp dịch vụ trung gian đối với vi phạm quyền tác giả trên Internet

Sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số và mạng Internet một mặt đẩy nhanh tốc độ truyền đạt tác phẩm đến công chúng nhưng mặt khác lại tạo điều kiện cho các hành vi

xâm phạm quyền tác giả diễn ra dễ dàng hơn. Ngày nay, tác phẩm được truyền tải đến công chúng không chỉ dưới dạng bản in hay băng đĩa truyền thống mà có thể dưới dạng số hoá, lưu trữ trên mạng Internet và dễ dàng tải về các phương tiện điện tử cá nhân. Thực tế này đặt ra câu hỏi về vai trò và trách nhiệm pháp lý của các nhà cung cấp dịch vụ trung gian (CCDVTG), ví dụ như nhà cung cấp đường truyền Internet, nhà cung cấp dịch

*,** Giảng viên, Trường Đại học Luật Hà Nội

* E-mail: ngotrongquan@hlu.edu.vn

** E-mail: anhtr@hlu.edu.vn

vụ lưu trữ website (hosting) hay các trang mạng xã hội... trong trường hợp có hành vi xâm phạm quyền tác giả xuất phát từ người sử dụng dịch vụ cuối.

Theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, dịch vụ trung gian được hiểu gồm có: dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet, dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, dịch vụ tìm kiếm thông tin số, dịch vụ cho thuê chỗ lưu trữ thông tin số bao gồm cả dịch vụ cho thuê chỗ lưu trữ trang thông tin điện tử.⁽¹⁾ Với khái niệm tương đối rộng này, rất nhiều chủ thể cung cấp cơ sở hạ tầng cho việc truyền phát, phân phối tác phẩm, ví dụ như Google, Facebook, Youtube... có thể bị liên đới trách nhiệm trong các hành vi vi phạm quyền tác giả do người sử dụng dịch vụ gây ra. Khi nào họ phải chịu trách nhiệm hoặc được miễn trừ trách nhiệm là câu hỏi cả về pháp lý và chính sách đối với nhiều quốc gia.

Trên thế giới hiện nay có ba cách tiếp cận về chế định trách nhiệm pháp lý của nhà CCDVTG, trong đó tương đối phổ biến ở các nước phát triển là cách quy định về căn cứ và giới hạn miễn trách (như ở Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Đức, Nhật Bản). Ưu điểm của chế định miễn trách này là cân bằng được giữa lợi ích của các chủ sở hữu quyền với lợi ích của các nhà CCDVTG, vừa

bảo hộ quyền tác giả vừa tạo điều kiện tự do lưu chuyển thông tin. Hai hướng tiếp cận còn lại bao gồm: cách quy định trách nhiệm toàn bộ (total liability), theo đó, nhà CCDVTG phải chịu trách nhiệm giống như người vi phạm trực tiếp, với mục đích kiểm soát nhà nước về nội dung thông tin và cách quy định miễn trách toàn bộ (total immunity) để đổi lại nhà CCDVTG sẽ hợp tác trong việc kiểm duyệt những nội dung không lành mạnh.⁽²⁾

Mặc dù có các quy định của pháp luật, tình hình xâm phạm quyền tác giả trên môi trường Internet ở Việt Nam vẫn đang diễn ra phổ biến dưới nhiều hình thức và gây thiệt hại đáng kể cho các chủ sở hữu quyền.⁽³⁾ Bài viết này sẽ phân tích chế định trách nhiệm pháp lý của nhà CCDVTG đối với vi phạm quyền tác giả ở Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU) trong tương quan so sánh với Việt Nam. Trong bối cảnh Việt Nam đã và đang tiếp tục ký kết các điều ước quốc tế có cam kết về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, việc tìm hiểu thông lệ quốc tế trong lĩnh vực còn mới mẻ này sẽ giúp Việt Nam có cách tiếp

(1). Điều 3 Thông tư của Bộ thông tin và truyền thông và Bộ văn hoá, thể thao và du lịch số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL ngày 19/6/2012 quy định trách nhiệm của doanh nghiệp CCDVTG trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông.

(2). Lilian Edwards and Charlotte Waelde, *Online Intermediaries and Liability for Copyright Infringement*, WIPO Workshop Keynote Paper, Geneva, 2005, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=1159640, truy cập 06/10/2018.

(3). Lê Thị Nam Giang, *Những thách thức về mặt pháp lý trong việc bảo hộ quyền tác giả trong môi trường Internet*, http://www.phapluatsohuu.tritue.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=309:nhng-thach-thc-v-mt-phap-ly-trong-vic-bo-h-quyn-tac-gitrong-moi-trung-internet&catid=54:plshtt&Itemid=179, truy cập 06/10/2018.

cận phù hợp trong xử lý hành vi vi phạm của nhà CCDVTG.

2. Quy định của pháp luật Hoa Kỳ về trách nhiệm pháp lí của nhà cung cấp dịch vụ trung gian đối với vi phạm quyền tác giả trên Internet

Trong pháp luật Hoa Kỳ, trách nhiệm pháp lí đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả có hai loại là trách nhiệm trực tiếp (primary liability) và trách nhiệm gián tiếp (secondary liability). Trách nhiệm trực tiếp liên quan đến chủ thể trực tiếp vi phạm quyền tác giả, có thể là hành vi sao chép không được phép của tác giả hoặc xâm phạm đến bất kì các quyền nào khác của chủ sở hữu quyền. Ví dụ: trong môi trường kĩ thuật số, người sử dụng Internet sao chép, truyền bá các tệp dữ liệu, bài hát của người khác khi không được sự cho phép được coi là chủ thể trực tiếp xâm phạm quyền tác giả. Trách nhiệm gián tiếp thường khó xác định hơn vì thực tế luật bản quyền của Hoa Kỳ không trực tiếp đề cập loại trách nhiệm này mà cách hiểu về nó được đúc rút từ án lệ. Do đó, trách nhiệm gián tiếp thường phụ thuộc nhiều vào tình tiết cụ thể của vụ việc và có xu hướng thay đổi tùy thuộc sự phát triển của công nghệ và các hành vi xâm phạm. Trách nhiệm pháp lí gián tiếp có thể bắt nguồn từ đồng phạm (contributory liability) hoặc phải chịu trách nhiệm thay thế cho một người khác (vicarious liability). Cả hai trường hợp đều yêu cầu có tồn tại một hành vi xâm phạm trực tiếp quyền tác giả.

Trách nhiệm do đồng phạm xảy ra khi nhà CCDVTG biết hoặc phải biết về hành vi

vi phạm quyền tác giả trực tiếp của người sử dụng và được coi là có đóng góp đáng kể (material contribution) vào việc tiếp tay cho hành vi đó. Hành vi đồng phạm được các toà án Hoa Kỳ xác định trong một số án lệ điển hình như Sony Corp v. Universal City Studios,⁽⁴⁾ MGM Studios Inc. v. Grokster, Ltd.,⁽⁵⁾ và Viacom International, Inc. v. YouTube, Inc.⁽⁶⁾

Trách nhiệm thay thế xảy ra khi nhà CCDVTG có lợi ích tài chính từ hành vi xâm phạm quyền tác giả trực tiếp và có cả quyền và khả năng giám sát hành vi của người vi phạm. Thực tiễn xét xử ở Hoa Kỳ đã ghi nhận một số án lệ liên quan đến trách nhiệm thay thế, ví dụ như A&M Records, Inc. v. Napster, Inc.,⁽⁷⁾ Aimster Copyright Litigation.⁽⁸⁾

Nhìn chung, nhà CCDVTG sẽ phải chịu trách nhiệm đồng phạm hoặc thay thế đối

(4). Sony Corporation of America et al v. Universal City Studios, Inc., et al. 464 U.S. 417 (1984), <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/464/417/>, truy cập 06/10/2018.

(5). Metro-Goldwyn-Mayer Studios, Inc., et al. v. Grokster, Ltd., et al. 545 U.S. 913 (2005), <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/545/913/>, truy cập 6/10/2018.

(6). Viacom Int'l Inc. v. YouTube, Inc., 2013 WL 1689071 (S.D.N.Y. Apr. 18, 2013), <https://digitalcommons.law.scu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1348&context=historical>, truy cập 06/10/2018.

(7). A&M Records, Inc. v. Napster, Inc., 239 F.3d 1004 (9th Cir. 2001), <https://law.justia.com/cases/federal/appellate-courts/F3/239/1004/636120/>, truy cập 06/10/2018.

(8). In re Aimster Copyright Litigation, 334 F.3d 643 (7th Cir. 2003), <https://law.justia.com/cases/federal/appellate-courts/F3/334/643/636193/>, truy cập 06/10/2018.

với hành vi vi phạm của người sử dụng Internet khi họ biết, có tiếp tay hoặc có khả năng ngăn chặn hành vi đó.⁽⁹⁾ Mặc dù các học thuyết về trách nhiệm pháp lý gián tiếp của nhà CCDVTG được xây dựng từ thực tiễn xét xử, các yếu tố cấu thành của trách nhiệm này đã được đưa vào trong các đạo luật ở Hoa Kỳ, cụ thể là Đạo luật bản quyền kỹ thuật số thiên niên kỷ (Digital Millennium Copyright Act 1998, sau đây gọi tắt là DMCA).

DMCA không đưa ra các quy định về trách nhiệm của nhà CCDVTG mà ngược lại liệt kê các trường hợp được miễn trách. Chương II của DMCA quy định về miễn trừ trách nhiệm đối với vi phạm quyền tác giả trong môi trường trực tuyến trong 4 trường hợp, gồm: truyền tải dữ liệu điện tử (transitory digital communications, Điều 512(a)), lưu trữ hệ thống (system caching, Điều 512 (b)), thông tin trên hệ thống hoặc mạng do người dùng tự xác lập (information residing on systems or networks at direction of users, Điều 512(c)) và các công cụ định vị thông tin (information location tools, Điều 512(d)).⁽¹⁰⁾ Tuy nhiên, để được miễn

trách, có hai điều kiện chung áp dụng với tất cả các trường hợp trên bao gồm: 1) Các nhà CCDVTG phải ban hành và thực thi một cách hợp lý, thông báo cho người sử dụng và các chủ tài khoản về chính sách chấm dứt sử dụng với những người vi phạm lặp đi lặp lại; 2) Cho phép và không cản trở đến các biện pháp kỹ thuật áp dụng bởi chủ sở hữu quyền tác giả để bảo hộ các tác phẩm của mình.⁽¹¹⁾ Ngoài ra, Điều 512(c) quy định về 3 điều kiện để nhà CCDVTG hưởng miễn trừ trách nhiệm như sau:

- Không biết rằng các tài liệu hoặc hành vi sử dụng tài liệu trên hệ thống hoặc mạng là vi phạm bản quyền; khi không có thông tin như vậy, không biết về các tình tiết và tình huống mà qua đó hành vi xâm phạm là rõ ràng; sau khi biết, đã nhanh chóng hành động để gỡ bỏ hoặc vô hiệu hoá việc truy cập tài liệu đó;

- Không có lợi ích tài chính trực tiếp phát sinh từ hành vi vi phạm, trong trường hợp nhà cung cấp dịch vụ có quyền và có khả năng kiểm soát những hành vi này;

- Sau khi nhận được khiếu nại về hành vi vi phạm, đã nhanh chóng hành động để gỡ bỏ hoặc vô hiệu hoá việc truy cập tài liệu được cho là vi phạm hoặc là đối tượng của một hành vi vi phạm.

Như vậy, nhà CCDVTG sẽ không phải chịu trách nhiệm với vi phạm từ người dùng

trường hợp tại Điều 512(c) và 512(d) thể hiện rõ vai trò trung gian của các nhà cung cấp dịch vụ trong việc kết nối người sử dụng với nhau hoặc với một nguồn thông tin trực tuyến khác.

(11). Điều 512(i) DMCA.

(9). Jerry Jie Hua, *Toward A More Balanced Approach: Rethinking and Readjusting Copyright Systems in the Digital Network Era*, Nxb. Springer, New York, 2014, tr. 110.

(10). Theo Điều 512(k) DMCA, khái niệm nhà cung cấp dịch vụ được hiểu là các thực thể cung cấp dịch vụ truyền dẫn, kết nối kỹ thuật số những tài liệu do người sử dụng lựa chọn mà không làm thay đổi nội dung của những tài liệu đó. Ngoài ra, họ cũng có thể là nhà cung cấp dịch vụ mạng, hoặc nhà vận hành các trang thiết bị mạng. Hai

khi họ đã nhanh chóng gỡ bỏ tài liệu được cho là vi phạm sau khi biết đến sự tồn tại của tài liệu đó.⁽¹²⁾ Đạo luật cũng quy định về quy trình phản hồi ngược (counter-notice) tại Điều 512(g) trong trường hợp có khiếu nại từ bất kỳ người nào liên quan đến việc gỡ bỏ hoặc vô hiệu hoá truy cập tài liệu đang bị nghi vấn. Quy định này nhằm cân bằng giữa quyền lợi của khách hàng, những người có lí do hợp lí để tin rằng hành vi của họ không vi phạm quyền tác giả và quyền lợi của chủ sở hữu quyền tác giả, những người đã thông báo lên nhà CCDVTG về hành vi vi phạm.⁽¹³⁾

Trong thực tiễn giải quyết tranh chấp ở Hoa Kỳ, trước khi Đạo luật DMCA ra đời, án lệ được coi là điển hình liên quan đến miễn trách nhiệm của nhà cung cấp trung gian là Sony Corporation of America v. Universal City Studios Inc. Công ti Universal khởi kiện hãng Sony với hành vi xâm phạm bản quyền gián tiếp liên quan đến thiết bị thu hình (Video Cassette Recorders - VCR) mà Sony sản xuất và phân phối. Thiết bị này cho phép các khách hàng thu các bộ phim và chương trình truyền hình để xem lại. Năm 1981, Toà phúc thẩm Liên bang đã xử thắng

cho phía nguyên đơn Universal với lập luận cho rằng Sony phải chịu trách nhiệm đồng phạm (contributory infringement). Các thiết bị VCR được bán ra với mục đích chính là thu lại các chương trình truyền hình được bảo hộ. Năm 1984, Toà án tối cao Hoa Kỳ đảo ngược phán quyết với lí do việc bán thiết bị chủ yếu để dùng cho các mục đích không vi phạm bản quyền (substantial non-infringing uses) không thể cấu thành hành vi đồng phạm, kể cả nếu nhà cung cấp biết rằng những sản phẩm của họ sẽ được dùng để xâm phạm bản quyền. Cho đến nay, nhiều học giả vẫn ủng hộ phán quyết này và cho rằng cơ chế miễn trách có thể áp dụng cho các công nghệ kĩ thuật số hiện đại như công nghệ chia sẻ dữ liệu ngang hàng (peer-to-peer file-sharing, P2P).⁽¹⁴⁾

Năm 2001, trong vụ kiện A&M v. Napster Inc., nhà cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu ngang hàng Napsster bị kiện vì cung cấp ứng dụng cho phép người dùng sao chép và tải về các bản nhạc MP3 từ máy tính của người dùng khác trong hệ thống. Mặc dù Napster dựa trên án lệ của Sony trước đó để biện hộ rằng phần mềm của mình chủ yếu dành cho những mục tiêu sử dụng không vi phạm bản quyền, luận điểm này bị bác bỏ. Toà cho rằng Napster phải biết về các tệp dữ liệu xâm phạm bản quyền vì công ti này lưu trữ một danh mục tập trung tất cả các tệp của người dùng trong hệ thống. Khi nhà cung cấp dịch vụ biết về tài liệu xâm phạm bản quyền, việc xem xét mục đích sử dụng chủ yếu của phần

(12). Adam Holland et al, *NoC Online Intermediaries Case Studies Series: Intermediary Liability in the United States*, 2015, https://cyber.harvard.edu/is2015/sites/is2015/images/NOC_United_States_case_study.pdf, truy cập 06/10/2018.

(13). Graeme B. Dinwoodie, *A Comparative Analysis of the Secondary Liability of Online Service Providers in Secondary Liability of Internet Service Providers*, Nxb. Springer, New York, 2017, tr. 33.

(14). Jerry Jie Hua, sđd, tr. 108.

mềm không còn ý nghĩa giúp Napster được miễn trách. Ngoài ra, toà cũng kết luận Napster phải chịu trách nhiệm thay thế (vicarious liability) vì Napster không những có lợi ích tài chính (do lượng khách hàng sử dụng tăng lên và doanh thu của Napster trực tiếp phát sinh từ sự gia tăng này) mà còn có quyền và có khả năng giám sát hành vi vi phạm bằng việc chặn truy cập người dùng.

Năm 2005, một tranh chấp tương tự liên quan đến mạng chia sẻ ngang hàng P2P được đưa ra xét xử là vụ kiện MGM v. Grokster. Công ti Grokster bị kiện vì phân phối phần mềm miễn phí cho phép người dùng chia sẻ với nhau các tài liệu có bản quyền. Grokster không lưu trữ tập trung dữ liệu nên công ti này không thể biết được về các dữ liệu vi phạm bản quyền hay hành vi của từng người dùng vi phạm. Nói cách khác, kể cả nếu chủ sở hữu quyền chỉ ra một tệp dữ liệu vi phạm bản quyền trên máy tính của một người dùng Grokster và yêu cầu xoá bỏ nó, bản thân Grokster cũng không thể làm được gì.⁽¹⁵⁾ Tuy nhiên, Toà án tối cao Hoa Kỳ sau đó đã cáo buộc trách nhiệm với Grokster trên cơ sở học thuyết về xúi giục hành vi vi phạm (inducement theory). Toà cho rằng một người phân phối thiết bị với mục đích thúc đẩy việc sử dụng nó để xâm phạm bản quyền, có bằng chứng rõ ràng về ý định đó hoặc các bước đã thực hiện để tạo điều kiện cho hành

vi vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm cho hành vi vi phạm của các bên thứ ba. Toà đã chứng minh Grokster biết việc người sử dụng của mình sẽ dùng phần mềm để sao chép, phân phối bất hợp pháp vì Grokster đã quảng cáo cho sản phẩm của mình là thế hệ kế tiếp thay thế cho Napster, thu hút khách hàng và kinh doanh trên hành vi vi phạm của khách hàng.

Có thể thấy, trong hai tranh chấp nêu trên, khác với trường hợp của Sony, các nhà CCDVTG có thể giám sát và quản lí hành vi của người sử dụng và tích cực ngăn ngừa các hành vi vi phạm. Do đó, họ vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới hoặc thay thế cho hành vi xâm phạm bản quyền trực tiếp của người sử dụng, bất kể công nghệ đó có thể sử dụng cho những mục đích không vi phạm đi chăng nữa.⁽¹⁶⁾

Tranh chấp gần đây giữa nguyên đơn Viacom và bị đơn Youtube tiếp tục xoay quanh vấn đề trách nhiệm pháp lí của nhà CCDVTG. Viacom kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất phim và chương trình truyền hình còn Youtube sở hữu kênh chia sẻ video cho phép người sử dụng tự tải lên và chia sẻ nội dung với cộng đồng. Viacom đã cáo buộc Youtube vi phạm bản quyền với khoảng 79.000 đoạn clip trên trang này trong thời gian từ năm 2005 đến 2008 và yêu cầu bồi thường thiệt hại lên tới một tỉ đô la Mỹ.⁽¹⁷⁾ Mặc dù Youtube đã dỡ bỏ những nội

(15). Lilian Edwards, *Role and Responsibility of Internet Intermediaries in The Field of Copyright and Related Rights*, 2010, <http://www.wipo.int/publications/en/details.jsp?id=4142&plang=EN>, truy cập 06/10/2018.

(16). Jerry Jie Hua, sđd, tr. 110.

(17). Jonathan Stempel, *Google, Viacom settle landmark YouTube lawsuit*, <https://www.reuters.com/article/us-google-viacom-lawsuit/google->

dung mà Viacom yêu cầu theo đúng quy định trong DMCA, Viacom cho rằng Youtube có biết đến các đoạn video vi phạm bản quyền từ trước thời điểm được yêu cầu dỡ bỏ và do đó không được miễn trách.

Toà án miền Nam NewYork cho rằng không có bằng chứng về việc Youtube đã xúi giục người sử dụng đăng tải các video vi phạm bản quyền hay hướng dẫn cho người dùng về việc đăng tải nội dung nào, hoặc sửa chữa nội dung, rà soát chất lượng video trước khi duyệt đăng hoặc các hành vi tương tác khác với người sử dụng tới mức có thể nói rằng Youtube có tham gia vào hành vi vi phạm. Công nghệ tìm kiếm video của Youtube là một hệ thống tự động (automated system) nơi người sử dụng tự lựa chọn nội dung và Youtube không hề tham gia vào sự lựa chọn này.⁽¹⁸⁾ Do đó, không thể nói rằng Youtube có thể kiểm soát các hành vi vi phạm. Trong tranh chấp này, Toà nhận thấy Youtube hội tụ đủ các điều kiện để được hưởng miễn trách theo Điều 512(c) DMCA.

Tóm lại, để thực thi Hiệp ước của WIPO về quyền tác giả năm 1996, Hoa Kỳ đã ban hành Đạo luật DMCA với những cập nhật riêng dành cho vi phạm bản quyền trong môi trường số. DMCA hướng tới việc cân bằng lợi ích của chủ sở hữu quyền - những người lo ngại về hành vi xâm phạm trên diện rộng

các tác phẩm của mình, với lợi ích của các nhà CCDVTG - những người tạo ra môi trường kết nối và chia sẻ thông tin. Với mục tiêu đó, pháp luật Hoa Kỳ tạo ra cơ chế "bến đỗ an toàn" (safe harbor) để miễn trừ trách nhiệm cho các nhà CCDVTG trong trường hợp người sử dụng đăng tải các nội dung vi phạm nếu họ đáp ứng được một số điều kiện nhất định, ví dụ như ngay lập tức dỡ bỏ hoặc ngăn chặn truy cập các nội dung đó. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết tranh chấp ở Hoa Kỳ cũng cho thấy quy định về miễn trách với các nhà CCDVTG là tương đối phức tạp và thay đổi cùng với sự phát triển của công nghệ (ví dụ từ vụ việc Sony đến vụ việc Napster và vụ việc Grokster).

3. Quy định của pháp luật Liên minh châu Âu về trách nhiệm pháp lý của nhà cung cấp dịch vụ trung gian đối với vi phạm quyền tác giả trên Internet

Liên minh châu Âu (EU) luôn cố gắng xây dựng pháp luật trên cơ sở hài hoà các lợi ích về chính trị cũng như kinh tế của các quốc gia thành viên. Các sắc lệnh (Directive) chính là công cụ mà Nghị viện châu Âu có thể sử dụng để đưa ra các quy định nhằm định hướng việc xây dựng pháp luật của các quốc gia thành viên và hướng tới việc thống nhất khung pháp luật chung châu Âu. Một số sắc lệnh đã được Nghị viện châu Âu ban hành về vấn đề sở hữu trí tuệ, nhưng vấn đề trách nhiệm pháp lý của nhà cung cấp dịch vụ mạng thông tin xã hội (information society service) thì được quy định trong Sắc lệnh số 2000/31/EC về thương mại điện tử.

viacom-settle-landmark-youtube-lawsuit-id USBREA2H11220140318, truy cập 06/10/2018.
(18). Eric J. Perrott, *Copyright Cases*, https://www.finnegan.com/files/Upload/Newsletters/Incontestable/2013/June/Incontestable_Jun13_3.html, truy cập 06/10/2018.

Một trong những nội dung mà Sắc lệnh số 2000/31/EC điều chỉnh chính là trách nhiệm pháp lý của nhà cung cấp dịch vụ liên quan tới các thông tin được đăng tải trên những trang mạng xã hội được xây dựng và quản lý bởi nhà cung cấp. Mục tiêu khi xây dựng những quy định của Sắc lệnh này là nhằm hợp lý hoá hoạt động của thị trường nội địa, tăng cường sự phát triển của các dịch vụ xuyên biên giới và loại bỏ những vi phạm liên quan tới quyền tác giả trong lĩnh vực thương mại điện tử trên cơ sở hài hoà với các sắc lệnh khác về quyền sở hữu trí tuệ của EU.

Điều 2 Sắc lệnh đã đưa ra một số định nghĩa, theo đó, dịch vụ mạng thông tin xã hội là *“bất cứ dịch vụ nào được cung cấp từ xa bằng các thiết bị điện tử theo cách xử lý (bao gồm việc nén dữ liệu điện tử) và lưu trữ dữ liệu, và các công việc theo yêu cầu của người thụ hưởng dịch vụ; việc cung cấp dịch vụ này nhằm mục đích lợi nhuận”*. Một số hoạt động cung ứng dịch vụ này bao gồm: mua bán hàng hoá trực tuyến, truyền tải thông tin qua mạng xã hội, đăng tải thông tin được cung cấp bởi người thụ hưởng dịch vụ, các dịch vụ truyền tải dữ liệu, dịch vụ không được thanh toán bởi người nhận như các công cụ tìm kiếm, truy cập và truy xuất dữ liệu.⁽¹⁹⁾ Nhà cung cấp dịch vụ (service provider, hay ở một số điều khoản Sắc lệnh

còn sử dụng thuật ngữ “intermediary service provider” - nhà cung cấp dịch vụ trung gian để chỉ rõ hơn vai trò trung gian của nhà cung cấp dịch vụ) là *“bất kì cá nhân hay pháp nhân nào cung cấp dịch vụ mạng thông tin xã hội”*. Người thụ hưởng dịch vụ (the recipient) là *“bất kì cá nhân hoặc pháp nhân nào, vì các mục đích công việc hoặc bất cứ mục đích nào khác, sử dụng mạng thông tin xã hội, với mục đích để mạng xã hội đó trở thành nguồn tìm kiếm hoặc tiếp cận thông tin”*. Người sử dụng dịch vụ (the consumer) là *“bất kì cá nhân nào sử dụng dịch vụ không nhằm mục tiêu kinh doanh hoặc mục đích nghề nghiệp”*.

Với sự phát triển nhanh chóng của Internet, ngày càng có nhiều người có thể tiếp cận với các dịch vụ mạng cũng như có thể đăng tải, chia sẻ các thông tin thông qua mạng một cách dễ dàng. Hệ quả của việc này là những vụ việc vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ cũng gia tăng, đặc biệt là vi phạm liên quan đến các đối tượng bảo hộ của quyền tác giả vì việc sao chép và lan truyền một tập truyện ngắn hay một bài hát là vô cùng dễ dàng và một khi chúng đã bị phát tán thì rất khó có thể ngăn chặn. Khi các vấn đề này phát sinh, trách nhiệm pháp lý sẽ được đặt ra với không chỉ người trực tiếp thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà còn liên quan tới nhà cung cấp dịch vụ mạng thông tin xã hội.

Sắc lệnh dành Phần 4 để quy định về trách nhiệm pháp lý của nhà cung cấp dịch vụ liên quan tới các thông tin được chia sẻ trên các trang mạng truyền thông (communication

(19). Pablo Baistrocchi, “Liability of Intermediary Service Providers in the EU Directive on Electronic Commerce”, *Santa Clara High Technology Law Journal*, số 19/2003, tr. 113.

network). Nhưng khi tính đến khả năng các nhà cung cấp sẽ không tự nguyện cung cấp dịch vụ nếu phải chịu trách nhiệm pháp lý về nội dung những thông tin được người thụ hưởng đăng trên trang mạng do họ quản lý, cũng như nhà cung cấp sẽ khó lòng thực hiện được nghĩa vụ quản lý này trên thực tế bởi những hạn chế về tài chính cũng như nhân lực, Sắc lệnh chỉ quy định về các trường hợp miễn trách nhiệm đối với nhà cung cấp.⁽²⁰⁾

Theo quy định tại Điều 12 Sắc lệnh, trong trường hợp dịch vụ mạng thông tin xã hội bao gồm việc chia sẻ thông tin được cung cấp bởi người thụ hưởng trên một trang mạng truyền thông, nhà cung cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm pháp lý liên quan tới thông tin được chia sẻ nếu nhà cung cấp:

- Không phải là người khởi xướng việc chia sẻ thông tin;
- Không lựa chọn người nhận thông tin; và
- Không lựa chọn hoặc chỉnh sửa thông tin được chia sẻ.

Việc chia sẻ thông tin này bao gồm việc lưu trữ thông tin một cách tự động, trung gian và tạm thời với mục đích duy nhất là chia sẻ thông tin trên trang mạng truyền thông, với điều kiện thông tin đó không được lưu trữ lâu hơn khoảng thời gian cần thiết để được phát tán.

Điều 13 Sắc lệnh quy định trong trường hợp dịch vụ mạng thông tin xã hội bao gồm

việc chia sẻ thông tin được cung cấp bởi người thụ hưởng trên một trang mạng truyền thông, nhà cung cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc lưu trữ thông tin một cách tự động, trung gian và tạm thời, với mục đích duy nhất là làm cho việc truyền tải thông tin tới những người nhận dịch vụ khác theo yêu cầu của họ trở nên hiệu quả hơn, với điều kiện:

- Nhà cung cấp không chỉnh sửa thông tin được chia sẻ;
- Nhà cung cấp tuân theo các điều kiện về việc truy cập thông tin;
- Nhà cung cấp tuân theo các quy định về cập nhật thông tin, được chỉ rõ trong các cách thức được công nhận và sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực này;
- Nhà cung cấp không can thiệp vào việc sử dụng một cách hợp pháp các công nghệ được thừa nhận và sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực này để thu thập dữ liệu về việc sử dụng thông tin;
- Nhà cung cấp hành động kịp thời để loại bỏ hoặc vô hiệu hoá việc truy cập tới thông tin mà họ đã lưu trữ khi biết được thông tin đó đã bị xoá hoặc việc truy cập đã bị chặn từ nguồn phát tán ban đầu; toà án hoặc một cơ quan có thẩm quyền yêu cầu xoá hoặc vô hiệu hoá việc truy cập thông tin đó.

Điều 14 Sắc lệnh quy định trong trường hợp dịch vụ mạng thông tin xã hội bao gồm việc lưu trữ thông tin được cung cấp bởi người thụ hưởng, nhà cung cấp sẽ không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc lưu trữ các thông tin đó theo yêu cầu của người thụ hưởng, với điều kiện:

(20). Malgorzata Lesiak, "A Comparative Analysis of The Liability of Internet Service Providers in the Context of Copyright Ingfringement in the US, European Union and Poland", *Masaryk University Journal of Law and Technology*, số 3:2/2009, tr. 283.

- Nhà cung cấp không biết các hành vi hoặc thông tin phi pháp và, đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại, nhà cung cấp không biết những việc hoặc những hoàn cảnh khiến các hành vi hoặc thông tin phi pháp đó phát sinh; hoặc

- Nhà cung cấp, khi biết được hoặc nhận thức được sự việc đã hành động kịp thời để loại bỏ hoặc để vô hiệu hoá việc truy cập thông tin.

Điều 15 Sắc lệnh quy định các quốc gia thành viên sẽ không áp đặt nghĩa vụ chung đối với các nhà cung cấp dịch vụ phải kiểm soát thông tin họ truyền tải hoặc lưu trữ khi thực hiện một trong các dịch vụ trên và không bắt buộc phải tìm kiếm bằng chứng về hành vi đăng tải nội dung sai trái vì việc này có thể làm cho việc cung cấp dịch vụ trở nên không hiệu quả do những hạn chế về công nghệ, tài chính và thời gian. Mặt khác, toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền vẫn có thể yêu cầu nhà cung cấp chấm dứt hoặc ngăn chặn một hành vi vi phạm theo quy định cụ thể của pháp luật từng quốc gia thành viên. Điều 15 cũng đưa ra các nghĩa vụ cụ thể hơn cho nhà cung cấp, với yêu cầu họ phải “thông báo kịp thời cho các cơ quan công quyền có thẩm quyền về các hoạt động bất hợp pháp” hoặc thông tin do khách hàng của nhà cung cấp cung cấp, hoặc “liên lạc với các cơ quan có thẩm quyền” theo yêu cầu của nhà chức trách, các thông tin cho phép xác định những người thụ hưởng mà nhà cung cấp có thỏa thuận lưu trữ thông tin trong trường hợp nghi ngờ các hoạt động bất hợp pháp, trong đó đã

lưu ý đến sự riêng tư và quyền tự do đăng tải thông tin của người thụ hưởng.⁽²¹⁾

Với số lượng quy định không nhiều và các quy định cũng không thực sự chi tiết, Sắc lệnh số 2000/31/EC về thương mại điện tử vẫn chưa bao quát được hết những vấn đề liên quan tới trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ. Ví dụ: đối chiếu với các trường hợp miễn trách nói trên, nếu suy luận ngược lại, nhà cung cấp sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lí nếu họ biết về các thông tin được người thụ hưởng chia sẻ là có vi phạm quyền tác giả. Tuy nhiên, chỉ việc biết hoặc ý thức được các thông tin không đủ để kết luận nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm pháp lí liên quan tới việc người thụ hưởng phát tán thông tin, đặc biệt trong trường hợp nhà cung cấp đã nhanh chóng xoá bỏ hoặc chặn quyền truy cập đối với các thông tin đó. Bên cạnh đó, Sắc lệnh cũng chưa quy định cơ chế xoá bỏ và ngăn chặn quyền truy cập các thông tin bị phán tán phi pháp, đây chính là một thiếu sót của Sắc lệnh mà đạo luật DMCA của Hoa Kỳ đã có quy định khá chi tiết. Chỉ có một số quy định tương tự nằm trong các điều 14.3 và 21.2 của Sắc lệnh. Điều 14.3 quy định các quốc gia thành viên tự xây dựng thủ tục “thông báo và gỡ bỏ” các thông tin vi phạm pháp luật; Điều 21.2 quy định khi rà soát lại Sắc lệnh sẽ xem xét nhu cầu xây dựng thủ tục thông báo và gỡ bỏ.

Tuy nhiên, Sắc lệnh này được quy định theo hướng tương đối “mở” cũng nhằm tạo điều kiện cho các quốc gia thành viên có thể

(21). Malgorzata Lesiak, sđd, tr. 286.

dễ dàng thông qua và áp dụng vào các quan hệ pháp luật của quốc gia mình, cũng như có các quy định riêng tự điều chỉnh trong các trường hợp cụ thể. Mặc dù vậy, pháp luật quốc gia luôn phải được xây dựng trên cơ sở hài hoà với pháp luật chung của EU.

Một vụ việc tiêu biểu có thể được kể đến là vụ việc giữa Scarlet Extended SA và SABAM.⁽²²⁾ Scarlet Extended SA là nhà cung cấp dịch vụ mạng, còn SABAM là một công ti của Bỉ chuyên về lĩnh vực cấp quyền cho bên thứ ba đối với tác phẩm âm nhạc của các nhạc sĩ, nhà soạn nhạc và nhà biên tập.

Vào năm 2004, SABAM xác định rằng những người dùng dịch vụ của Scarlet đang tải những sản phẩm âm nhạc từ danh mục của SABAM trên mạng mà không được sự cho phép của SABAM cũng như không trả phí bằng cách sử dụng mạng ngang hàng (peer-to-peer networks - một phương thức chia sẻ dữ liệu độc lập, phân cấp và có những tính năng tìm kiếm và tải tài liệu nâng cao). Sau khi nhận được đơn kiện của SABAM, Tòa án sơ thẩm Bruxelles (The Tribunal de première instance de Bruxelles) đã yêu cầu Scarlet, với tư cách là nhà cung cấp dịch vụ mạng, phải chịu hình phạt tiền định kì, phải chấm dứt những vi phạm quyền tác giả bằng cách khiến người dùng không thể gửi hoặc nhận các tệp dữ liệu điện tử chứa sản phẩm của SABAM bằng bất cứ

cách nào thông qua phần mềm ngang hàng (peer-to-peer software).

Scarlet đã kháng cáo lên Tòa phúc thẩm Bruxelles (the Cour d'appel de Bruxelles), cho rằng bản án của Tòa án sơ thẩm Bruxelles trái với pháp luật EU, bởi Tòa đã buộc Scarlet phải chịu nghĩa vụ giám sát đối với hệ thống mạng của họ, một điều không tương thích với Sắc lệnh về thương mại điện tử và với các quyền cơ bản. Đối với nội dung này, Tòa phúc thẩm đã xin ý kiến của Tòa án công lí châu Âu về việc liệu các quốc gia thành viên có quyền yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ mạng phải sử dụng kinh phí của mình để xây dựng một hệ thống phát hiện các hành vi tải tài liệu trái phép và vận hành hệ thống này trong khoảng thời gian không giới hạn hay không.

Trong văn bản trả lời, Tòa án công lí châu Âu đã chỉ ra rằng:

- Người có quyền đối với tài sản trí tuệ có thể gửi đơn kiện nhà trung gian cung cấp dịch vụ mạng, những người có dịch vụ được sử dụng bởi các bên thứ ba vi phạm đến quyền lợi của họ.

- Quy định về việc thực thi bản án là vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật quốc gia, tuy nhiên việc này phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng khung pháp lí của EU. Ví dụ: theo Sắc lệnh số 2000/31/EC về thương mại điện tử, các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên không được áp dụng các biện pháp yêu cầu một nhà cung cấp dịch vụ mạng phải thực hiện giám sát chung các thông tin được chia sẻ trong hệ thống của họ.

(22). Judgment in Case C-70/10 Scarlet Extended SA v Société belge des auteurs, compositeurs et éditeurs SCRL (SABAM), <http://www.eulaws.eu/?p=1153>, truy cập 06/10/2018.

Về vấn đề này, Tòa phúc thẩm nhận thấy rằng nếu theo như bản án, Scarlet sẽ phải chủ động theo dõi tất cả các dữ liệu liên quan đến từng khách hàng của mình để ngăn chặn bất kì vi phạm quyền sở hữu trí tuệ nào, hơn nữa, việc này còn phải thực hiện trong khoảng thời gian không giới hạn. Theo đó, bản án này không tương thích với Sắc lệnh về thương mại điện tử, có thể vi phạm nghiêm trọng quyền tự do của Scarlet để tiến hành kinh doanh vì Scarlet sẽ phải cài đặt một hệ thống máy tính phức tạp và tốn kém bằng chi phí của chính mình.

Hơn nữa, bản án này còn không đảm bảo sự cân bằng giữa các quyền tài sản cơ bản, bao gồm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tự do kinh doanh của nhà cung cấp dịch vụ với quyền của khách hàng trong việc bảo vệ thông tin cá nhân cũng như quyền tự do nhận và trao đổi thông tin của họ.⁽²³⁾ Do đó, Tòa phúc thẩm cho rằng: pháp luật EU không cho phép tồn tại những bản án yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ mạng phải cài đặt một hệ thống lọc tất cả các lượt truy cập thông qua dịch vụ mạng của mình, áp dụng cho tất cả khách hàng như là một biện pháp phòng ngừa các hành vi vi phạm luật sở hữu trí tuệ.

Có thể thấy, các quy định của EU về trách nhiệm của nhà CCDVTG được xây dựng theo hướng mở với những điều khoản có độ bao quát rộng, nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho các quốc gia thành viên có

thể sử dụng Sắc lệnh này để tham khảo và nội luật hoá vào pháp luật quốc gia mình. Về cơ bản, các quy định này cũng tương tự như đạo luật DMCA của Hoa Kỳ, theo đó, nhà CCDVTG sẽ được miễn trách nếu họ không thông đồng với người sử dụng của mình và đã nhanh chóng ngăn chặn việc truy cập nội dung vi phạm khi biết về hành vi đó.

4. Quy định của pháp luật Việt Nam về trách nhiệm pháp lí của nhà cung cấp dịch vụ trung gian đối với vi phạm quyền tác giả trên Internet - một số hạn chế và khuyến nghị

Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Một trong những yêu cầu bắt buộc đặt ra để Việt Nam có thể thực sự tham gia vào dòng chảy thương mại quốc tế là vấn đề hoàn thiện pháp luật. Ví dụ như trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ nói riêng, có hai điều ước quốc tế quan trọng liên quan tới quyền tác giả trong môi trường kĩ thuật số mà Việt Nam cam kết sẽ gia nhập khi đàm phán Hiệp định thương mại tự do EU - Việt Nam (EVFTA), đó là: Hiệp định về quyền tác giả (WIPO Copyright Treaty - WCT) và Hiệp định về biểu diễn và tác phẩm ghi âm (WIPO Performances and Phonograms Treaty - WPPT).

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã có hệ thống các quy định cho nhiều đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, nhưng vấn đề liên quan tới trách nhiệm của doanh nghiệp CCDVTG trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông thì mới chỉ được quy định trong Thông tư liên tịch của Bộ thông tin và

(23). Trevor Cook, "Online Intermediary Liability in the European Union", *Journal of Intellectual Property Rights*, số 17/2012, tr. 159.

truyền thông, Bộ văn hoá - thể thao và du lịch số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL ngày 19/6/2012 quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông. Thông tư này được xây dựng căn cứ trên cơ sở Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Luật viễn thông năm 2009, Luật công nghệ thông tin năm 2006. Tuy vậy, trong các văn bản luật kể trên cũng không có những quy định liên quan tới trách nhiệm của doanh nghiệp CCDVTG trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông. Năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng đã có hiệu lực, nhưng trong số các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 5 cũng không có quy định nào về các hành vi vi phạm quyền tác giả hay quyền sở hữu trí tuệ nói chung.

Thông tư số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL gồm 8 điều khoản nhưng trong đó chỉ có một điều (Điều 5 với 6 khoản) trực tiếp quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp CCDVTG trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông. Một số quy định của văn bản này đã phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế. Ví dụ như so với EVFTA, quy định về trường hợp trực tiếp thực hiện hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ thì nhà CCDVTG phải chịu trách nhiệm cho hành vi của mình (như chấm dứt

hành vi vi phạm, bồi thường thiệt hại...) là khá tương đồng. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện còn hai điểm khác biệt dưới đây so với một số điều ước quốc tế về thương mại Việt Nam có tham gia mà việc học tập kinh nghiệm của Hoa Kỳ hay EU là cần thiết.

Về cách tiếp cận, Thông tư này được xây dựng theo hướng liệt kê các trách nhiệm của doanh nghiệp CCDVTG. Ví dụ: khoản 5 Điều 5 liệt kê các trường hợp doanh nghiệp CCDVTG phải chịu trách nhiệm trực tiếp bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan chỉ gồm 4 trường hợp. Có thể nói, hướng quy định của Thông tư số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL có thể dẫn tới tình trạng phạm vi điều chỉnh của luật bị thu hẹp, có hành vi gây ra thiệt hại cho chủ thể quyền nhưng không phải chịu chế tài của pháp luật. Đối với vấn đề này, pháp luật Việt Nam có thể xây dựng các quy định theo hướng “mở” như Sắc lệnh số 2000/31/EC về thương mại điện tử của EU hay DMCA của Hoa Kỳ ở trên với việc quy định các trường hợp nhà CCDVTG được miễn trách và điều kiện để hưởng miễn trách thay vì những trường hợp họ phải chịu trách nhiệm. Xét cho cùng, mục tiêu của chế định pháp lý về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp CCDVTG đối với vi phạm quyền tác giả là bảo vệ cho nhóm chủ thể này, từ đó thúc đẩy việc truyền tải, kết nối thông tin hơn là hạn chế và kiểm soát hoạt động của họ. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ

mới mà Việt Nam có tham gia như CPTPP hay EVFTA đều đi theo cách tiếp cận đó, tức xây dựng những "bến đỗ an toàn" (safe harbor) cho nhà CCDVTG, tạo điều kiện phát triển xã hội thông tin, tăng tính kết nối cộng đồng.

Về thủ tục thông báo và gỡ bỏ nội dung vi phạm, theo khoản 3 Điều 5 Thông tư số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL, doanh nghiệp CCDVTG chỉ có trách nhiệm gỡ bỏ và xoá nội dung thông tin số vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan, cắt, ngừng và tạm ngừng đường truyền Internet, đường truyền viễn thông khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Thanh tra Bộ thông tin và truyền thông hoặc Thanh tra Bộ văn hoá, thể thao và du lịch hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật. Quy định này có thể giúp tăng sự quản lý và giám sát của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp CCDVTG nhưng lại chưa thực sự hợp lý. Trong bối cảnh công nghệ phát triển như ngày nay, thông tin có thể được lan truyền một cách nhanh chóng trong môi trường Internet. Nếu cần phải có văn bản yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền mới có thể khiến doanh nghiệp CCDVTG gỡ bỏ và xoá nội dung thông tin vi phạm thì khó có thể ngăn chặn và giải quyết được triệt để hậu quả của hành vi vi phạm.

Để tăng tính kịp thời và nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của chủ thể quyền, pháp luật có thể quy định theo hướng cho phép chủ thể quyền trực tiếp yêu cầu doanh nghiệp CCDVTG gỡ bỏ và xoá nội dung thông tin vi phạm, đồng thời chủ thể quyền phải gửi

đơn thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm này. Nếu sau một thời hạn nhất định mà doanh nghiệp CCDVTG không thực hiện theo yêu cầu của chủ thể quyền thì cơ quan có thẩm quyền sẽ trực tiếp yêu cầu doanh nghiệp CCDVTG thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp yêu cầu của chủ thể quyền là không có căn cứ và gây thiệt hại cho doanh nghiệp CCDVTG thì chủ thể quyền cũng phải chịu trách nhiệm cho hành vi của mình. Đây chính là cách quy định tiên tiến mà Hoa Kỳ đưa ra trong đạo luật DMCA để vừa tăng quyền năng cho chủ thể quyền nhưng cũng ràng buộc họ phải chịu trách nhiệm với yêu cầu gỡ bỏ nội dung của mình. Đồng thời, pháp luật cũng cần quy định thêm cơ chế giám sát việc gỡ bỏ và xoá nội dung thông tin vi phạm của doanh nghiệp CCDVTG. Việc giám sát này có thể được trao cho chính chủ thể quyền hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Nếu doanh nghiệp CCDVTG không thực hiện việc gỡ bỏ và xoá nội dung thông tin vi phạm thì cũng cần có chế tài được đặt ra đối với họ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adam Holland et al, *NoC Online Intermediaries Case Studies Series: Intermediary Liability in the United States*, 2015, https://cyber.harvard.edu/is2015/sites/is2015/images/NOC_United_States_case_study.pdf
2. A&M Records, Inc. v. Napster, Inc., 239 F.3d 1004 (9th Cir. 2001), <https://law.justia.com/cases/federal/appellate-courts/F3/239/1004/636120/>

3. Eric J. Perrott, *Copyright Cases*, https://www.finnegan.com/files/Upload/Newsletters/Incontestable/2013/June/Incontestable_Jun13_3.html
4. Graeme B. Dinwoodie, *A Comparative Analysis of the Secondary Liability of Online Service Providers in Secondary Liability of Internet Service Providers*, Nxb. Springer, New York, 2017.
5. In re Aimster Copyright Litigation, 334 F.3d 643 (7th Cir. 2003), <https://law.justia.com/cases/federal/appellate-courts/F3/334/643/636193/>
6. Jerry Jie Hua, *Toward A More Balanced Approach: Rethinking and Readjusting Copyright Systems in the Digital Network Era*, Nxb. Springer, New York, 2014.
7. Jonathan Stempel, *Google, Viacom settle landmark YouTube lawsuit*, <https://www.reuters.com/article/us-google-viacom-lawsuit/google-viacom-settle-landmark-youtube-lawsuit-idUSBREA2H11220140318>
8. Judgment in Case C-70/10 Scarlet Extended SA v Société belge des auteurs, compositeurs et éditeurs SCRL (SABAM), <http://www.eulaws.eu/?p=1153>.
9. Lê Thị Nam Giang, *Những thách thức về mặt pháp lý trong việc bảo hộ quyền tác giả trong môi trường Internet*, http://www.phapluatsohuutritue.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=309:nhng-thach-thc-v-mt-phap-ly-trong-vic-bo-h-quyn-tac-gitrong-moi-trung-internet&catid=54:plshht&Itemid=179
10. Lilian Edwards and Charlotte Waelde, *Online Intermediaries and Liability for Copyright Infringement*, WIPO Workshop Keynote Paper, Geneva, 2005, https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=1159640
11. Lilian Edwards, *Role and Responsibility of Internet Intermediaries in The Field of Copyright and Related Rights*, 2010, <http://www.wipo.int/publications/en/details.jsp?id=4142&plang=EN>
12. Malgorzata Lesiak, “A Comparative Analysis of The Liability of Internet Service Providers in the Context of Copyright Ingfringement in the US, European Union and Poland”, *Masaryk University Journal of Law and Technology*, số 3:2/2009.
13. Metro-Goldwyn-Mayer Studios, Inc., et al. v. Grokster, Ltd., et al. 545 U.S. 913 (2005), <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/545/913/>.
14. Pablo Baistrocchi, “Liability of Intermediary Service Providers in the EU Directive on Electronic Commerce”, *Santa Clara High Technology Law Journal*, số 19/2003.
15. Sony Corporation of America et al v. Universal City Studios, Inc., et al. 464 U.S. 417 (1984), <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/464/417/>.
16. Trevor Cook, “Online Intermediary Liability in the European Union”, *Journal of Intellectual Property Rights*, số 17/2012.
17. Viacom Int’l Inc. v. YouTube, Inc., 2013 WL 1689071 (S.D.N.Y. Apr. 18, 2013), <https://digitalcommons.law.scu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1348&context=historical>